

Bản án số: 319/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2024

V/v T/c Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T. Sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phan Thị T1. Sinh năm 1996. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm N, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú hiện tại: Số A phố V, khu T, thành phố T, Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, anh Nguyễn Đình T trình bày: Anh T và chị Phan Thị T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, Nghệ An ngày 05/5/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, trong cuộc sống việc ai người đó làm, vợ

chồng không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 8 năm 2023, chị T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, mâu thuẫn vợ chồng không được hàn gắn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh T viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Phan Thị T1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đình D, sinh ngày 24/7/2016 và Nguyễn Đình K, sinh ngày 24/6/2018. Khi ly hôn anh T đề nghị giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng.

Về tài sản của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Phan Thị T1: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, chị T1 đã gửi Tòa án bản tự khai có chứng thực của Văn phòng K1 tại Đ. Về quan hệ hôn nhân, chị T1 trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng xa cách. Chị T1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T; đồng ý giao các con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Đình D, sinh ngày 24/7/2016 có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. nguyên đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; bị đơn có địa chỉ trước khi đi nước ngoài tại tỉnh Nghệ An; hiện đang lưu trú tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, nhận thấy, anh Nguyễn Đình T và chị Phan Thị T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuộc sống, nhưng không được hàn gắn, giải quyết. Hai vợ chồng không còn cùng hướng đến xây dựng hạnh phúc gia đình. Khi biết anh T xin ly hôn tại Tòa án, chị T1 cũng

đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Nguyễn Đình T và chị Phan Thị T1 không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Phan Thị T1.

[2.2.] Về con chung: Anh T và chị T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Đình D, sinh ngày 24/7/2016 và Nguyễn Đình K, sinh ngày 24/6/2018. Anh T, chị T1 đều thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu D cũng có nguyện vọng ở với bố, cháu K còn nhỏ. Xét thấy, đây là ý kiến tự nguyện của các đương sự, không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội, đồng thời chị T1 đang ở nước ngoài nên giao các con chung cho anh Nguyễn Đình T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu, chị T1 cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[2.3] Tài sản chung, nợ: Anh Nguyễn Đình T, chị Phan Thị T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền khởi kiện theo quy định.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, điểm d, khoản 1 Điều 469 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 82, 83, 84 Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình T.

[1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Phan Thị T1.

[2] Con chung: Giao con chung là Nguyễn Đình D, sinh ngày 24/7/2016 và Nguyễn Đình K, sinh ngày 24/6/2018 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có ý kiến nên Tòa án không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng theo quy định.

[3] Về tài sản: Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012916 ngày 12/6/2024.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Anh Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Phan Thị T1 đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường